

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 18-8-2020.

*V/v tranh chấp ly hôn.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Quốc Tiết.

Ông Trần Quang Vinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 137/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Hồng N, sinh năm: 1983, địa chỉ: số nhà 301/6, ấp C, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, chỗ ở hiện nay: số 356, ấp B, xã Đ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.(có mặt)

*Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1984, địa chỉ: số nhà 301/6, ấp C, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.(vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Bà Ngô Thị Hồng N là nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:* Bà N và ông H kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Lục Long. Bà N và ông H chung sống hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà N và ông H không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Bà N và ông H không còn sống chung với nhau từ năm 2019 đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên bà N quyết định ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà N và ông H có 01 con chung tên Trần Khiết T, sinh ngày 10/8/2007, hiện nay con chung đang sống chung với bà N. Nếu được ly hôn, bà N

yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N và ông H không có nợ chung.

Bị đơn là ông Trần Văn H đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Ngô Thị Hồng N và ông Trần Văn H kết hôn với nhau vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Lục Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Nay bà Ngô Thị Hồng N yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn H, căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Ông Trần Văn H vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với ông Trần Văn H.

[3] Bà Ngô Thị Hồng N và ông Trần Văn H chung sống hạnh phúc được hơn 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Các đương sự không hòa giải được mâu thuẫn, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Bà N và ông H không còn sống chung với nhau từ năm 2019 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống chung của các đương sự không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, cho bà N ly hôn với ông H.

[4] Về con chung: Bà Ngô Thị Hồng N và ông Trần Văn H có 01 con chung tên Trần Khiết T, sinh ngày 10/8/2007, hiện nay con chung đang sống chung với bà N. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con, bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên Trần Khiết T mong muốn được sống với bà N. Ông Trần Văn H không có ý kiến gì về việc nuôi con. Yêu cầu của bà N phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cho bà N trực tiếp nuôi con chung tên Trần Khiết T, ông Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Bà Ngô Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, ông Trần Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị Hồng N, cho bà Ngô Thị Hồng N ly hôn với ông Trần Văn H.

2. Về nuôi con chung: Bà Ngô Thị Hồng N và ông Trần Văn H có 01 con chung tên Trần Khiết T, sinh ngày 10/8/2007, hiện nay con chung đang sống chung với bà Ngô Thị Hồng N. Khi ly hôn, giao cho bà Ngô Thị Hồng N trực tiếp nuôi con chung tên Trần Khiết T, ông Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Trần Văn H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Ngô Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Ngô Thị Hồng N đã nộp theo biên lai thu số 0000447, ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ông Trần Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bà Ngô Thị Hồng N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Trần Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **\*Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án DS huyện Châu Thành;
- UBND xã An Lục Long;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tùng